TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tôn giáo ở Hàn Quốc: Đức tin và Tự do (P.1)

ISSN: 2734-9195 11:59 08/11/2026

Cuối thời Cao Ly, các hệ phái Phật giáo cũng chịu ảnh hưởng từ tình trạng tham nhũng lan rộng trong xã hội. Giới tăng sĩ Phật giáo phải đối mặt với sự phản đối, thậm chí đôi khi còn bị khinh miệt.

Hàn Quốc là nơi nhiều truyền thống tín ngưỡng và tôn giáo cùng tồn tại, từ Shaman giáo bản địa, Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo đến Kitô giáo. Qua tiến trình lịch sử, các dòng chảy tư tưởng ấy đã góp phần định hình văn hóa, đời sống xã hội và diện mạo tôn giáo của quốc gia Đông Á.

Bài viết của Tiến sĩ Lars Vargö phác họa hành trình hình thành, phát triển và tương tác giữa các truyền thống tôn giáo tại Hàn Quốc, qua đó gợi mở góc nhìn về đức tin và tự do tín ngưỡng trong bối cảnh lịch sử hiện đại.

Tóm tắt

Trong suốt chiều dài **lịch sử**, tôn giáo đã có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với các quyết sách chính trị tại Hàn Quốc. Tuy nhiên, việc xác định một tôn giáo duy nhất là nhân tố chủ đạo định hình các khuôn mẫu hành vi của người dân Hàn Quốc không phải là điều đơn giản. Văn hóa Hàn Quốc đúng hơn nên được nhìn nhận như một không gian giao thoa, nơi nhiều truyền thống tôn giáo và triết học cùng tồn tại, đan xen và ảnh hưởng lẫn nhau.

Các truyền thống và học thuyết **tôn giáo** vẫn tiếp tục hiện diện trong xã hội Hàn Quốc đương đại, trong khi giới hoạch định chính sách Triều Tiên lại cho rằng người dân nước này đã lựa chọn tiếp nhận trí tuệ gắn liền với dòng họ Kim. Nho giáo thường được xem là một trong những yếu tố tiếp tục định hình hành vi của người dân ở cả Hàn Quốc và Triều Tiên. Một số quan điểm khác lại nhấn mạnh ảnh hưởng đáng kể của Kitô giáo. Chẳng hạn, Kim Il-sung, nhà lãnh đạo đầu tiên của Triều Tiên, đã trưởng thành trong một gia đình có nền tảng Kitô giáo nghiêm ngặt.

Trái lại, trong những năm gần đây, hai tổng thống Hàn Quốc đã bị phế truất sau những cáo buộc cho rằng, bên cạnh các nguyên nhân khác, ảnh hưởng quá mức

của giới pháp sư Shaman đã khiến họ có những hành động không phù hợp. Đồng thời, không thể phủ nhận ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo đối với quá trình hình thành và phát triển văn hóa Hàn Quốc.

Bài viết này nhằm làm nổi bật sự phong phú trong đời sống tư tưởng mà các truyền thống tôn giáo và triết học của Hàn Quốc đã góp phần tạo dựng.

Dẫn nhập

Những người lần đầu đến Seoul thường không khỏi ngạc nhiên trước số lượng lớn những cây thánh giá phát sáng trên các tòa nhà mà họ nhìn thấy dọc đường từ sân bay về khách sạn. Đối với một đất nước mà các truyền thống tôn giáo và triết học trong lịch sử vốn còn bắt nguồn từ Phật giáo, Nho giáo và Shaman giáo, việc Kitô giáo giữ vị thế mạnh mẽ như vậy có thể khiến nhiều người cảm thấy đôi chút bất ngờ.

Các số liệu thống kê có sự khác biệt, nhưng Kitô giáo hiện là tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất tại Hàn Quốc, với khoảng 30% dân số tự nhận mình là tín đồ Kitô giáo (1). Trong số 14 vị tổng thống từng nắm giữ cương vị nguyên thủ quốc gia kể từ khi Đại Hàn Dân Quốc được thành lập năm 1948, phần lớn đều tự nhận mình là tín đồ Kitô giáo (2).

Trái ngược với Hàn Quốc, ảnh hưởng của Kitô giáo tại Triều Tiên ngày nay hầu như không còn đáng kể. Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ XX, Bình Nhưỡng từng được mệnh danh là “Jerusalem của phương Đông”. Cuốn sách mới xuất bản của Jonathan Cheng, *Korean Messiah: Kim Il Sung and the Christian Roots of North Korea's Personality Cult* (Đấng Cứu thế Triều Tiên: Kim Il-sung và cội nguồn Kitô giáo của sự sùng bái cá nhân tại Triều Tiên), do nhà xuất bản Alfred A. Knopf phát hành năm 2026, mô tả việc Kim Il-sung, nhà lãnh đạo đầu tiên của nhà nước Triều Tiên, đã trưởng thành trong một gia đình theo Kitô giáo như thế nào (3).

Tự do tôn giáo về mặt chính thức được công nhận ở cả Hàn Quốc và Triều Tiên, nhưng trên thực tế, sự khác biệt giữa hai quốc gia này là vô cùng lớn. Tại Hàn Quốc, không chỉ Kitô giáo có vị thế mạnh mẽ mà Phật giáo cũng hiện diện hết sức nổi bật. Nhiều truyền thống Nho giáo cũng tiếp tục được duy trì trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, xét về ảnh hưởng của tôn giáo đối với các quyết sách chính trị, chính những mối liên hệ với giới pháp sư Shaman mới là vấn đề gây ra nhiều rắc rối cho các tổng thống Hàn Quốc trong những năm gần đây. Trong cả hai trường hợp của cựu Tổng thống Park Geun-hye (2013–2017) và Tổng thống Yoon Suk-

yeol (2022–2025), ảnh hưởng không phù hợp của các pháp sư đối với quá trình ra quyết định chính trị đều được đề cập như một trong những nguyên nhân dẫn đến việc họ bị phế truất.

Các pháp sư Shaman từng giữ vai trò có ảnh hưởng trong những cộng đồng làng xã Hàn Quốc thời kỳ đầu. Tuy nhiên, ngày nay, họ thường được nhìn nhận như một hình ảnh thuộc về quá khứ hơn là một bộ phận của xã hội hiện đại. Quan niệm cho rằng ngay cả những người đứng đầu nhà nước và chính phủ Hàn Quốc cũng có thể chịu ảnh hưởng từ những điều mà nhiều người xem là các tập tục mê tín cổ xưa đã khiến dư luận không khỏi kinh ngạc.

Shaman giáo

Shaman giáo đã tồn tại ở khu vực Đông Bắc Á từ khi con người bắt đầu hình thành các cộng đồng xã hội tại đây. Trong công trình nghiên cứu *Shamanismen i norra Asien* (Shaman giáo ở Bắc Á), học giả người Thụy Điển Jonas Stadling (1847–1935) đã mô tả vai trò quan trọng của các pháp sư Shaman trong những xã hội thời kỳ đầu. Mặc dù phần lớn những tư liệu ông đề cập liên quan đến các dân tộc Siberia, vẫn có những điểm tương đồng rõ rệt giữa những mô tả của ông với cách thức hoạt động của các pháp sư Shaman tại Hàn Quốc và Nhật Bản (4).



Một trong những điểm tương đồng dễ nhận thấy là biểu tượng chim. Theo Stadling, người Yakut từng sử dụng những hình chim được chạm khắc bằng gỗ để đánh dấu mộ các pháp sư Shaman, nhằm cảnh báo những người có thể ghé thăm không được chạm vào hoặc đến quá gần những ngôi mộ này. Khi được

mời chữa trị cho một người bị cho là đang bị tà linh nhập, hoặc cứu lấy linh hồn được cho là đã rời khỏi cơ thể người bệnh, đôi khi pháp sư Shaman sử dụng những hình tượng chim mang tính biểu trưng để hỗ trợ việc tìm bắt linh hồn ấy (5).

Tại Nhật Bản, biểu tượng chim xuất hiện trước các đền thờ Thần đạo (Shinto) dưới hình thức những cổng được gọi là *torii* (□□), có thể được dịch nghĩa là "nơi chim cư ngụ". Chẳng hạn, một cuộc khai quật khảo cổ học ở khu vực ngoại ô thành phố Osaka đã phát hiện những hình chim bằng gỗ được gắn trên các cột. Tại khu vực bên ngoài các ngôi làng ở Hàn Quốc, người ta cũng thường dựng những cột gỗ có gắn hình chim, được gọi là *sotdae*. Những hình chim này có thể từng được sử dụng để đánh dấu lãnh thổ, phần nào tương tự chức năng của các đền thờ Thần đạo.

Biểu tượng chim còn được thể hiện qua nhiều hình thức khác. Trong truyền thuyết về nhân vật anh hùng Yamato Takeru của Nhật Bản, sau khi qua đời, ông hóa thành một con chim trắng lớn. Câu chuyện này có nhiều điểm tương đồng với truyền thuyết về người anh hùng Lemminkäinen của Phần Lan trong sử thi dân tộc *Kalevala*. Trong đó, mẹ của người anh hùng hóa thành chim, bay qua biển cả và đất liền để tìm kiếm người con đã chết của mình.

Trong Shaman giáo Siberia, người ta tin rằng linh hồn của một pháp sư Shaman sau khi qua đời sẽ hóa thành chim, có thể nhờ đôi cánh của mình mà bay đến thế giới linh hồn.

Thần thoại Bắc Âu và Nhật Bản cũng có những điểm tương đồng khác liên quan đến vai trò của các loài chim. Một con quạ lớn có ba chân, được gọi là Yatagarasu, được cho là đã dẫn đường cho Jimmu, vị thiên hoàng đầu tiên trong thần thoại Nhật Bản. Trong thần thoại Bắc Âu, thần Odin có hai con quạ đồng hành là Hugin và Munin. Chúng mang đến cho vị thần này những tin tức về mọi sự việc đang diễn ra trên thế gian (6).

Một công cụ quan trọng đối với các pháp sư Shaman truyền thống, dù ở Lapland, Siberia, Nhật Bản hay Hàn Quốc, chính là chiếc trống. Tại Hàn Quốc, trống giữ vai trò quan trọng trong hầu hết các hình thức biểu đạt văn hóa truyền thống, đặc biệt là nghệ thuật kể chuyện và trình diễn dân gian *pansori*.

Người ta cho rằng tiếng trống trong các nghi lễ Shaman giáo có tác dụng triệu thỉnh thần linh và các vong linh, khiến sự hiện diện của họ trở nên có thể nghe thấy hoặc cảm nhận được đối với những người tham dự. Tiếng trống cũng được sử dụng để xua đuổi những linh hồn không mong muốn hoặc có hại, thanh tẩy địa điểm hành lễ theo nghi thức, đồng thời hỗ trợ pháp sư Shaman đi vào những

trạng thái ý thức biến đổi thông qua quá trình thực hành nghi lễ (7).

Tại Hàn Quốc, các pháp sư Shaman được chia thành hai loại: những người được cho là do thần linh lựa chọn và những người thừa hưởng năng lực từ tổ tiên. Các nghi lễ do họ thực hiện có nhiều mục đích khác nhau, chẳng hạn cầu mong hạnh phúc và tương lai tốt đẹp, chữa trị bệnh tật hoặc dẫn dắt linh hồn người đã khuất về cõi trời.

Những vị thần mà pháp sư Shaman tiếp xúc có thể bao gồm các vị thần Mặt Trời, Mặt Trăng và các vì sao (*ilwolseongshin*); thần núi và thần sông (*sancheonshin*); Long Vương (*yongwangshin*); hoặc thần hộ gia đình (*gashin*) (8).

Pháp sư Shaman nữ vẫn được gọi là *mudang*, trong khi pháp sư nam được gọi là *baksu*. Tuy nhiên, từ khá sớm, các pháp sư nữ đã trở nên phổ biến hơn nhiều trong xã hội Hàn Quốc. Họ cũng đảm nhận vai trò của những nữ tư tế, chủ trì các nghi lễ cấp quốc gia, các nghi thức cầu mưa và những hoạt động tương tự.

Các pháp sư Shaman còn tham gia những nghi lễ dành cho hoàng gia; trong một số trường hợp, những ngôi đền đặc biệt cũng được xây dựng để phục vụ họ. Đương nhiên, họ còn được tìm đến khá phổ biến để thực hiện các hoạt động bói toán, tiên đoán vận mệnh.

Ngày nay, các pháp sư Shaman thường được nhìn nhận như những người mang lại may mắn hơn là những cố vấn chính trị. Họ được mời tham gia các nghi lễ có yếu tố giải trí khá rõ nét. Một nghi lễ như vậy được gọi là *gut*, có thể bao hàm cả yếu tố hài hước lẫn sự châm biếm, mỉa mai.

Một buổi *gut* có thể diễn ra trong thời gian ngắn hoặc kéo dài lâu hơn, đôi khi đến vài ngày, tất nhiên với điều kiện người thuê tổ chức nghi lễ có đủ khả năng chi trả. Một nữ pháp sư *mudang* kiếm sống bằng chính nghề nghiệp này.

Thông thường, một buổi nghi lễ diễn ra theo trình tự sau: Trước tiên, nữ pháp sư thông báo với vị thần cai quản địa điểm tổ chức nghi lễ về người đã đứng ra thỉnh mời và những lễ vật được dâng cúng. Bà cũng đọc lời cầu nguyện, cầu mong sự an lành và thịnh vượng trong tương lai.

Tiếp đó, bà giải thích vị thần nào đã được thỉnh mời đến buổi lễ, đồng thời kể lại những câu chuyện thần thoại liên quan đến vị thần ấy. Sau đó là các tiết mục ca hát, nhảy múa hoặc những hình thức trình diễn khác nhằm làm vui lòng thần linh.

Sau khi hoàn tất các nghi thức tiếp theo, nữ pháp sư sẽ truyền đạt thông điệp hoặc mong muốn của vị thần, trước khi thực hiện nghi thức tiễn vị thần được

thỉnh mời trở về.

Một buổi *gut* do nữ pháp sư *mudang* chủ trì thường tràn ngập màu sắc, âm nhạc sôi động và những điệu múa. Đôi khi, khán giả tham dự cũng có thể trực tiếp hòa mình vào các hoạt động này.

Đạo giáo

Không hoàn toàn gắn liền với Shaman giáo, nhưng Đạo giáo cũng là một hệ thống tín ngưỡng có ảnh hưởng đáng kể đến văn hóa Hàn Quốc. Bộ sử *Samguk yusa* (Tam quốc di sự), trong phần "Đạo giáo và sự suy vong của Cao Câu Ly", ghi chép rằng người dân Cao Câu Ly đã tiếp nhận Đạo giáo dưới thời các hoàng đế nhà Đường là Cao Tổ và Thái Tông, tức vào thế kỷ VII (9).

Đạo giáo cũng có ảnh hưởng nhất định tại vương quốc Tân La (Silla). Tương truyền, vua Hyoseong (trị vì 737–742) đã nhận được một bản *Đạo đức kinh* của Lão Tử do hoàng đế Trung Hoa gửi tặng. Các đội quân tinh nhuệ của Tân La cũng được cho là đã rèn luyện theo những nguyên tắc của Đạo giáo như nhẫn nại, giản dị và hài hòa, kết hợp với những giáo huấn của Nho giáo về lòng trung thành, sự tôn kính và chính trực, cùng giáo lý từ bi của Phật giáo.

Những cách định nghĩa về Đạo giáo, cả trong quá khứ lẫn hiện tại, có sự khác biệt đáng kể (10). Một mặt, Đạo giáo được mô tả như một phương thức sống giản dị, không cố gắng can thiệp hay làm thay đổi quy luật vận hành của tự nhiên. Mặt khác, có quan điểm xem Đạo giáo là sự hệ thống hóa một hình thức ma thuật và thuyết vật linh (animism) được coi là có tính chính thống hơn.

Một trong những mục tiêu quan trọng của Đạo giáo là đạt đến sự trường sinh bất tử. Để hướng tới mục tiêu này, con người cần, trong số những điều khác, loại bỏ ham muốn và tham vọng. Những người thực hành Đạo giáo từng theo đuổi nhiều hoạt động khác nhau, từ thuật luyện đan cho đến bào chế các loại thuốc với mục đích kéo dài tuổi thọ.

Tại Hàn Quốc, những tín ngưỡng dân gian cổ xưa, việc giải đoán các điềm báo và cả những hình thức huyền thuật rõ nét thường được xếp chung vào phạm trù Đạo giáo. Đạo giáo dần hòa nhập với Shaman giáo bản địa, đồng thời có ảnh hưởng sâu sắc đến hình tượng người trí thức lý tưởng: một người sẵn sàng rời xa chốn đô hội, lui về sống trong một túp lều hoặc ngôi nhà nhỏ giữa vùng núi non hẻo lánh để chuyên tâm học tập và nghiên cứu.

Nhiều hình thức bói toán khác nhau, chẳng hạn việc giải đoán các quẻ trong bộ kinh điển Trung Hoa *Kinh Dịch* (*Yi jing*), hay việc sử dụng các biểu tượng âm và

dương, như có thể thấy trên quốc kỳ Hàn Quốc, cũng thường được quy cho ảnh hưởng của Đạo giáo.

Đạo giáo chắc chắn đã có ảnh hưởng đến phong trào Đông Học (Donghak), một phong trào từng trở thành mối đe dọa đối với chính quyền vào cuối thế kỷ XIX. Tuy nhiên, nếu so sánh với Phật giáo và Nho giáo, Đạo giáo chỉ giữ một vị trí tương đối khiêm tốn trong lịch sử Hàn Quốc (11).

Phật giáo

Bộ sử *Samguk yusa* cũng ghi lại những câu chuyện về quá trình Phật giáo du nhập vào bán đảo Triều Tiên.

Trong phần "Sundo đưa Phật giáo đến Cao Câu Ly", tác phẩm cho biết vào năm 372, một vị sứ giả kiêm tăng sĩ tên là Thuận Đạo (Sundo) đã được phái đến Cao Câu Ly, mang theo tượng Phật và kinh điển Phật giáo từ Trường An, Trung Quốc. Hai năm sau, một vị tăng sĩ khác tên là A Đạo (Ado), đến từ nước Tấn, cũng đặt chân đến đây. Ngay từ tháng 2 năm 375, nhà vua đã ra lệnh xây dựng một ngôi chùa dành cho Thuận Đạo; một năm sau, một ngôi chùa khác cũng được xây dựng cho A Đạo (12).



Một phần khác có nhan đề "Marananta đưa Phật giáo đến Bách Tế" kể rằng vào năm 384, một vị tăng sĩ người Ấn Độ tên là Marananta đã từ nước Tấn đến vương quốc Bách Tế (Baekje) và được triều đình tiếp đón trọng thị. Một ngôi chùa dành cho mười vị tăng sĩ được xây dựng tại kinh đô mới Hansanju. Khi vua A Tân (Asin), còn gọi là Phù Dư A Tân (Buyeo Asin), lên ngôi năm 392 (trị vì

392–405), một sắc lệnh được ban hành, cho phép thần dân thờ phụng Đức Phật.

Phần tiếp theo khá dài, có nhan đề "A Đạo đưa Phật giáo đến Tân La", mô tả quá trình Phật giáo truyền đến vương quốc Tân La. Sự kiện này được cho là diễn ra dưới triều vua Nột Kỳ Ma Lập Can (Nulji Maripgan, trị vì 417–458), khi vị tăng sĩ người Ấn Độ tên là Mặc Hồ Tử (Mukhoja) đến và bắt đầu truyền bá Phật giáo:

"Thế nhưng, người dân Tân La không những không tin vào những giáo lý kỳ lạ của ông về Đức Phật và cõi Tịnh độ Liên Hoa, mà còn tỏ ra bất bình trước việc những giáo lý ấy phủ nhận tục thờ cúng tổ tiên và các phong tục truyền thống của họ. Vị tăng sĩ đáng thương có lẽ đã bị đám đông giận dữ sát hại nếu không được một người dân làng tốt bụng tên là Morye bảo vệ. Người này đã mời vị khách lạ đến trú ngụ trong một hang động thuộc khu vườn nhà mình".

"Dưới triều vua Picho (tôn hiệu sau khi mất là Soji, trị vì 479–500), một vị tăng sĩ tên là A Đạo, bậc cao tăng (...), đã cùng ba đệ tử đến Tân La và cư trú tại nhà Morye trong khi truyền bá Phật giáo cho người dân" (13).

Việc những tư tưởng Phật giáo đã được truyền đến giới cầm quyền Hàn Quốc từ giữa thế kỷ IV còn được củng cố bởi phát hiện các họa tiết Phật giáo trong những bức tranh vẽ trên trần một ngôi mộ có niên đại từ thời kỳ này, gần khu vực Bình Nhưỡng ngày nay.

Trong thế kỷ VI, nhiều tăng sĩ Phật giáo từ các vương quốc trên bán đảo Triều Tiên đã đến Trung Quốc để học tập tại các tu viện khác nhau. Khi trở về, họ cũng mang theo những hệ phái và trường phái Phật giáo đã hình thành, phát triển tại Trung Quốc.

Khi Tân La thống nhất toàn bộ bán đảo dưới một chính quyền vào năm 668, Phật giáo bắt đầu có ảnh hưởng mạnh mẽ. Thậm chí, Phật giáo Hàn Quốc còn từng tạo được ảnh hưởng nhất định tại Trung Quốc. Tác động của Phật giáo đối với văn hóa Tân La thống nhất thể hiện đặc biệt rõ nét trong các lĩnh vực hội họa, văn học và kiến trúc.

Ngôi chùa Bulguksa nổi tiếng tại Gyeongju được khởi dựng năm 751, trong khi hang động Seokguram trứ danh, nơi lưu giữ pho tượng Phật uy nghiêm và tuyệt mỹ, được hoàn thành năm 774. Cả hai công trình đều đã được UNESCO ghi danh là Di sản Thế giới. Tại quốc gia láng giềng phía Bắc là Bột Hải (Balhae), tồn tại trong giai đoạn 698–926, Phật giáo trở thành quốc giáo.

Một trong những hệ phái Phật giáo quan trọng được truyền vào Hàn Quốc trong thời kỳ Tân La là Thiền tông (Seon), tức truyền thống tu tập thiền định, được biết đến rộng rãi hơn dưới tên gọi Nhật Bản là Zen. Nhiều hệ phái Phật giáo

khác được xếp chung dưới tên gọi *Gyo*, có nghĩa là "Giáo", với định hướng thiên về nghiên cứu và học thuật.

Một trong những nhân vật Phật giáo tiêu biểu thời kỳ này là Nguyên Hiểu (Wonhyo, 617–686), tên của ngài có thể được hiểu khái quát là "bình minh nguyên thủy". Nguyên Hiểu từng dự định sang nhà Đường để học tập, nhưng những trở ngại trên đường đi đã khiến ngài thay đổi quyết định và quay trở về. Thay vào đó, ngài dành tâm sức trước tác nhiều tác phẩm và chú giải kinh điển, những công trình sau này có ảnh hưởng sâu rộng.

Dưới triều đại Cao Ly (Goryeo), Phật giáo gắn bó mật thiết với bộ máy nhà nước và nhận được sự bảo trợ mạnh mẽ từ các nguồn lực công. Tuy nhiên, trong một thời gian, Thiền tông từng bị phản đối vì bị xem là có khuynh hướng quá cấp tiến.

Tình hình này đã thay đổi nhờ Thiền sư Tri Nột (Jinul, 1158–1210), người kiên trì chủ trương rằng thiền định và lý luận giáo lý, tức Thiền (Seon) và Giáo (Gyo), có thể được kết hợp với nhau. Đến cuối thời kỳ Cao Ly, tình thế đã đảo ngược: Thiền tông phát triển thành hệ phái chủ đạo, nhận được sự bảo trợ của nhà nước; tuy nhiên, sự đối lập giữa Thiền và Giáo không còn tái diễn.

Vào cuối thời Cao Ly, các hệ phái Phật giáo cũng chịu ảnh hưởng từ tình trạng tham nhũng lan rộng trong xã hội. Giới tăng sĩ Phật giáo phải đối mặt với sự phản đối, thậm chí đôi khi còn bị khinh miệt. Tuy nhiên, cũng chính trong giai đoạn này, bộ Đại Tạng Kinh Cao Ly (Tripitaka Koreana) đồ sộ đã được khắc tạo, bao gồm hàng nghìn mộc bản lưu giữ các kinh điển Phật giáo.

Bản khắc lần thứ nhất hoàn thành năm 1231 nhưng đã bị quân Mông Cổ xâm lược phá hủy. Bộ khắc lần thứ hai hoàn thành năm 1259 và vẫn được bảo tồn tại ngôi chùa trên núi Haeinsa, gần thành phố Daegu ở miền Nam Hàn Quốc.

Khi triều đại Triều Tiên (Joseon) được thành lập, Phật giáo phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng từ Tân Nho giáo (Neo-Confucianism), một hệ tư tưởng có ảnh hưởng lớn trong xã hội và triều đình. Số lượng chùa Phật giáo đã giảm từ vài trăm ngôi xuống còn 36 ngôi. Nhiều chính sách hạn chế được ban hành; tăng sĩ và ni cô bị cấm vào các thành thị. Các nghi lễ tang ma Phật giáo cũng như hoạt động khất thực đều bị cấm.

Sự đối đầu dần giảm bớt và nhiều hạn chế được bãi bỏ, phần lớn nhờ vai trò của Hoàng hậu Munjeong (1501–1565), người kết hôn với vua Jungjong và có thời gian trị vì từ năm 1545 đến năm 1565 theo cách ghi trong nguyên tác. Bản thân bà là một Phật tử và đã góp phần đảo ngược xu hướng bất lợi đối với Phật giáo,

đưa tình hình chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Bà đặc biệt kính trọng Thiền sư Tây Sơn Hyujeong (1520–1604), người đã trước tác nhiều tác phẩm có ảnh hưởng lớn.

Có lẽ nguyên nhân quan trọng nhất khiến Phật giáo được nhìn nhận dưới một góc độ khác chính là việc các tăng sĩ Phật giáo đã tổ chức thành những đội quân và tích cực tham gia chống lại lực lượng Nhật Bản xâm lược trong giai đoạn 1592–1598, dưới sự lãnh đạo của vị cao tăng Hyujeong đã cao tuổi.

Trong những thế kỷ tiếp theo, Thiền tông và các hệ phái Phật giáo khác có thể hoạt động với mức độ tự do tương đối lớn. Hiện tượng các tăng sĩ vân du, đi từ ngôi chùa này đến ngôi chùa khác giữa núi rừng, ngày càng trở nên phổ biến. Nhiều người không nhìn thấy trở ngại nào trong việc kết hợp hành trình tu tập tâm linh với nghiên cứu Nho giáo và Đạo giáo.

Sau cuộc Duy tân Minh Trị năm 1868 tại Nhật Bản, một số hệ phái Phật giáo Nhật Bản bắt đầu tiến hành hoạt động truyền giáo tại Hàn Quốc. Điều này, cùng với những yếu tố khác, đã góp phần hình thành hệ phái Phật giáo Viên tông (Won), một truyền thống chủ trương kết hợp thiền định với việc nghiên cứu kinh điển, đồng thời tìm kiếm sự dung hòa giữa các phương pháp giáo hóa khác nhau.

Từ *Won* có nghĩa là “vòng tròn”. Hình tượng vòng tròn biểu trưng cho sự viên mãn, đồng thời thể hiện quan niệm rằng mọi người đều có khả năng đạt đến sự đồng thuận và hòa hợp.

Khi Nhật Bản sáp nhập Hàn Quốc vào năm 1910, Phật giáo Hàn Quốc trải qua nhiều biến đổi. Có lẽ thay đổi quan trọng nhất là việc cơ chế cộng đồng Phật tử cùng sở hữu và quản lý các ngôi chùa bị thay thế bằng một hệ thống trong đó các trụ trì do Toàn quyền Nhật Bản bổ nhiệm trở thành chủ sở hữu tư nhân đối với tài sản của chùa. Quyền sở hữu này thậm chí còn có thể được thừa kế.

Những vị tăng sĩ trước đây duy trì đời sống độc thân nay bắt đầu kết hôn và xây dựng gia đình, đặc biệt là những người không phản đối ảnh hưởng của Nhật Bản. Năm 1920, luật pháp được sửa đổi, theo đó chính quyền Nhật Bản giành quyền kiểm soát trực tiếp đối với 31 ngôi chùa lớn nhất. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, sự kiểm soát này càng trở nên nghiêm ngặt hơn; nhiều hiện vật nghệ thuật cũng bị chuyển sang Nhật Bản.

Sau chiến tranh, Tông phái Tào Khê (Jogye Order), chủ trương các tăng sĩ tiếp tục duy trì đời sống độc thân, phát triển thành tông phái lớn nhất. Đứng tiếp theo là Tông phái Thái Cổ (Taego Order), nơi có cả những tăng sĩ lập gia đình và

những tăng sĩ giữ đời sống độc thân.

Tại Hàn Quốc, thời kỳ hậu chiến chứng kiến nhiều căng thẳng đáng kể giữa các tông phái Phật giáo với chính quyền, chủ yếu liên quan đến những quyền lợi và yêu sách cạnh tranh, đồng thời cũng xuất hiện những bất đồng giữa chính các tông phái.

Dưới thời nhà độc tài Chun Doo-hwan trong thập niên 1980, chính quyền đã tìm cách biến các ngôi chùa trên thực tế thành những cơ sở phục vụ du lịch, gây ra sự bất bình rộng rãi. Cũng từng xảy ra những xung đột giữa đại diện Kitô giáo và Phật giáo, nhưng theo thời gian, các mâu thuẫn này đã dần lắng dịu.

Một hoạt động rất được ưa chuộng tại Hàn Quốc đương đại là người dân tham gia những khóa thiền ngắn ngày cùng với chư tăng và ni tại các ngôi chùa. Một số chương trình còn cho phép người tham dự lưu trú qua đêm tại chùa.

Tại Triều Tiên, phật tử cũng như tín đồ Kitô giáo đều phải chịu sự quản lý chặt chẽ, mặc dù chính quyền nước này chính thức tuyên bố rằng tự do tôn giáo vẫn được bảo đảm.

Trong một thời gian ngắn, khi khách du lịch Hàn Quốc được phép đến thăm Triều Tiên với số lượng hạn chế, một ngôi chùa Phật giáo cổ gần thành phố Gaeseong từng là một trong những điểm tham quan được giới thiệu. Tuy nhiên, tại ngôi chùa này không có các tăng sĩ hay chức sắc tôn giáo hoạt động.

[Góc nhìn biên tập]:

Bài viết của Tiến sĩ Lars Vargö cung cấp bức tranh khái quát về tiến trình hình thành và phát triển của các truyền thống tôn giáo tại Hàn Quốc, từ tín ngưỡng bản địa đến những tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống đương đại. Thông qua việc khảo cứu các dòng chảy Shaman giáo, Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo, Đông Học và Kitô giáo, tác giả cho thấy tôn giáo không tồn tại biệt lập mà luôn có sự tương tác với lịch sử, văn hóa, chính trị và cấu trúc xã hội.

Dưới góc độ nghiên cứu tôn giáo so sánh, giá trị của bài viết nằm ở cách tiếp cận tương đối rộng, giúp người đọc nhận diện những yếu tố đa dạng đã góp phần hình thành diện mạo tôn giáo Hàn Quốc. Một số nhận định trong bài phản ánh cách tiếp cận và góc nhìn riêng của tác giả, nhất là khi đề cập đến quan hệ giữa tôn giáo với quyền lực chính trị, tự do tín ngưỡng và những biến động xã hội.

Do đó, các nội dung được trình bày nên được tiếp nhận trong bối cảnh nghiên cứu và hệ quy chiếu của tác giả, đồng thời đặt trong tương quan với những nguồn tư liệu lịch sử và học thuật khác khi cần thiết. Việc giới thiệu bài viết không đồng nghĩa với sự xác nhận hay tán thành toàn bộ các nhận định của tác giả. Đây là tư liệu tham khảo góp phần mở rộng góc nhìn về lịch sử tôn giáo Hàn Quốc, đồng thời gợi mở những hướng tìm hiểu sâu hơn về sự giao thoa giữa Phật giáo và các truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo khác.

Tác giả: **Lars Vargö** / Chuyển ngữ: **Thường Nguyên**

Nguồn: https://www.isdp.eu/publication/religion-in-korea-of-faith-and-freedoms/

https://www.isdp.eu/wp-content/uploads/2026/11/Focus-Asia-Lars-Nov-2-2026.pdf

(Còn tiếp...)

[Lưu ý biên tập]:

+ Bài viết được biên dịch từ nguyên tác tiếng Anh *Religion in Korea: Of Faith and Freedoms* của Tiến sĩ Lars Vargö. Các tên riêng, thuật ngữ tôn giáo, triết học và lịch sử Hàn Quốc được chuyển dịch theo hướng ưu tiên tính nhất quán, dễ tra cứu và phù hợp với văn phong nghiên cứu tiếng Việt.

+ Những thuật ngữ, tên gọi và khái niệm đặc thù được giữ kèm nguyên ngữ ở những vị trí cần thiết nhằm hỗ trợ độc giả đối chiếu tài liệu.

+ Các nhận định về lịch sử, chính trị, tôn giáo và xã hội trong bài được trình bày theo quan điểm của tác giả. Ban Biên tập không mặc nhiên xem toàn bộ những nhận định này là kết luận học thuật đã được xác lập, cũng không coi việc đăng tải là sự tán thành đối với mọi quan điểm được nêu.

+ Một số dữ kiện và cách diễn giải trong nguyên tác có thể cần tiếp tục đối chiếu với các công trình nghiên cứu chuyên ngành. Độc giả quan tâm có thể tham khảo danh mục tài liệu và chú thích được cung cấp kèm theo bài viết.

+ Bài viết được giới thiệu với mục đích cung cấp tư liệu tham khảo về lịch sử và diện mạo tôn giáo Hàn Quốc, góp phần thúc đẩy tinh thần nghiên cứu, trao đổi học thuật và đối thoại liên tôn giáo.

Chú thích:

(1) 20% theo đạo Tin Lành và 11% theo Công giáo.
Nguồn: https://hrcopinion.co.kr/en/archives/34782

(2) Tổng thống đầu tiên, Syngman Rhee (nhiệm kỳ 1948–1960), theo Giáo hội Giám Lý; Yun Bo-seon (Yun Po-sun, 1960–1962) theo Giáo hội Trưởng Lão; Kim Young-sam (1993–1998) theo Giáo hội Trưởng Lão; Kim Dae-jung (1998–2003) và Lee Myung-bak (2008–2013) theo Giáo hội Trưởng Lão; Moon Jae-in (2017–2022) theo Công giáo; và Tổng thống đương nhiệm Lee Jae-myung, nhậm chức năm 2025, theo Giáo hội Trưởng Lão. Cựu Tổng thống Yoon Suk-yeol (2022–2025), người vừa bị phế truất, từng được rửa tội theo Công giáo nhưng thực hành đức tin theo truyền thống Trưởng Lão.

(3) https://www.ui.se/landguiden/lander-och-omraden/asien/nordkorea/religion/x

(4) Stadling (1912).

(5) Tài liệu đã dẫn, tr. 31–32, 116–118; Ueda (1975), tr. 323–357.

(6) Hình tượng quạ ba chân đã được tìm thấy trong các bức tranh trên tường và trần của những ngôi mộ cổ thuộc vương quốc Cao Câu Ly tại khu vực Nampo, ngày nay thuộc Triều Tiên. Jeon (2008), tr. 125.

(7) Park (2002); Howard (1998); Im Sok-jae (2003).

(8) Tài liệu đã dẫn, tr. 38–39; Halla (1980), tr. 13–14.

(9) Lần lượt là các giai đoạn 618–626 và 626–650. *Samguk Yusa*, quyển III, mục 64, tr. 193–197. Trong lịch sử, bán đảo Triều Tiên từng tồn tại một số quốc gia, nổi bật nhất là Cao Câu Ly (37 TCN–668), Tân La (57 TCN–935) và Bách Tế (18 TCN–660). Các triều đại chủ yếu là Cao Ly (918–1392) và Joseon (1392–1897).

(10) “Nếu Đạo có thể diễn đạt thành lời thì đó không phải là Đạo thường hằng bất biến.” Đây là câu mở đầu của *Đạo Đức Kinh*. Malmqvist (2008), tr. 31.

(11) Park (2002), tr. 47–56.

(12) Ilyon (1972), mục 59, quyển III.

(13) Tài liệu đã dẫn, tr. 180.